

# TRUNG LẬP

Hưởng lợi lớn từ chiến sự Trung Đông và lượng hàng tồn kho cao, nhưng triển vọng đã phản ánh vào giá

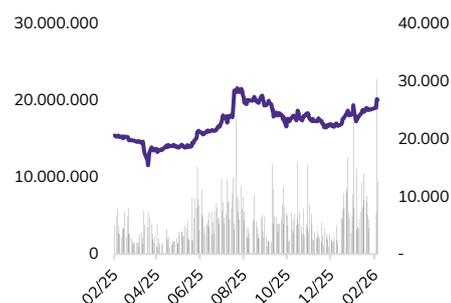
Lê Thị Kim Huê

Email: [hue.lethikim@abs.vn](mailto:hue.lethikim@abs.vn)

## THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Phân bón
Ngày báo cáo	: 27/03/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: 31.100
<b>Giá mục tiêu (VND/CP)</b>	<b>: 30.700</b>
Tỷ lệ tăng (%)	: <b>-1,3%</b>
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 21.213
SLCPLH (CP)	: 679.925.021

## DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: FiinPro, ABS Research

## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	4Q24	4Q25
Tăng trưởng DTT (%)	-6,4%	7,9%
Tăng trưởng LNST (%)	-118,6%	-1248,0%
Biên LNG (%)	12,4%	19,6%
Biên LNST (%)	-0,6%	6,7%
ROA (%)	-0,1%	1,3%
ROE (%)	-0,2%	2,0%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,31	0,36
EPS (VND/CP)	(128)	287
BVPS (VND/CP)	28.110	16.695

Nguồn: FiinPro, ABS Research

- Q4/2025, biên lợi nhuận gộp cải thiện mạnh nhờ giá khí đầu vào giảm:**
  - Doanh thu thuần (DTT) của DPM đạt 3.414 tỷ đồng (+7,9% svck). Lợi nhuận gộp (LNG) tăng mạnh, đạt 668 tỷ đồng (+70,1% svck). Biên lợi nhuận gộp cải thiện mạnh lên 19,6% (+7,2 điểm % svck), là mức biên lợi nhuận gộp theo quý cao nhất kể từ Q4/2023. KQKD trên chủ yếu do: i) Giá ure (sản phẩm chủ lực hiện tại của DPM) tăng khoảng +11% svck theo đà tăng của giá ure thế giới (trong Q4/2025, giá ure các loại trên thị trường thế giới tăng từ +9,9% đến +21% svck); ii) Trong khi đó, giá khí đầu vào sụt giảm mạnh theo sự suy yếu của giá dầu. Hiện nay, giá khí đầu vào của DPM đang “neo” theo giá dầu FO Singapore, trong Q4/2025 giá dầu FO bình quân đạt 330-350 USD/tấn (giảm khoảng -11,9% svck), từ đó dẫn tới giá khí đầu vào của DPM giảm mạnh svck; iii) Chính sách hoàn thuế VAT được áp dụng từ tháng 7/2025 làm giá vốn hàng bán giảm xuống svck.
  - Chi phí bán hàng & QLDN tăng mạnh lên 623 tỷ đồng (+25% svck). Doanh thu tài chính cũng tăng mạnh +84,8% svck lên 240 tỷ đồng, chủ yếu do lãi tiền gửi tăng mạnh svck, trong khi đó chi phí tài chính tăng lên 52 tỷ đồng (+69,1% svck), chủ yếu do chi phí lãi vay tăng lên 49 tỷ đồng (+93,7% svck), theo chúng tôi là do dư nợ vay của DPM tăng lên và mặt bằng lãi suất cho vay cũng tăng hơn svck. Ngoài ra, hoạt động khác cũng đem lại khoản lợi nhuận gần 12 tỷ đồng (+553% svck). **Kết quả, Q4/2025, LNST cổ đông Công ty mẹ đạt 230 tỷ đồng trong khi cùng kỳ năm 2024 bị lỗ gần 20 tỷ đồng.**
- KQKD 2025 tăng trưởng ấn tượng:**
  - Lũy kế năm 2025, DTT của DPM đạt 16.564 tỷ đồng (+22,7% svck), LNG tăng mạnh, đạt 2.939 tỷ đồng (+54,8% svck), biên lợi nhuận gộp đạt 17,7% (+3,7 điểm % svck). KQKD khả quan trên là do:
    - i) Giá phân bón phục hồi theo xu hướng thế giới do nhu cầu phân bón tăng cao, trong nước nhu cầu phân bón tăng khoảng 4-5% khi giá bán và xuất khẩu nông sản duy trì đà hồi phục. Đối với sản phẩm phân ure, sản lượng tuy giảm -8,4% svck về còn 823,5 nghìn tấn nhưng giá bán bình quân lại tăng mạnh +13% svck. Trong khi đó, sản phẩm NPK Phú Mỹ tăng mạnh sản lượng tiêu thụ lên 186 nghìn tấn (+26,5% svck), giá bán cũng tăng khoảng 3-4% svck. Đối với mảng hóa chất, mặc dù sản lượng giảm -2% svck về còn 129,7 nghìn tấn nhưng giá bán các loại hóa chất lại cải thiện svck nên doanh thu mảng này đạt 977 tỷ đồng (+11% svck).
    - ii) Mảng kinh doanh thương mại được thúc đẩy với các sản phẩm mà DPM chưa tự sản xuất được hoặc mới đang sản xuất thử nghiệm. DTT mảng này đạt 4.135 tỷ đồng (+116,8% svck), lợi nhuận gộp cũng tăng mạnh lên 205 tỷ đồng (+264,8% svck). Mảng này đang ngày càng thể hiện vai trò đóng góp trong cơ cấu doanh thu của DPM.

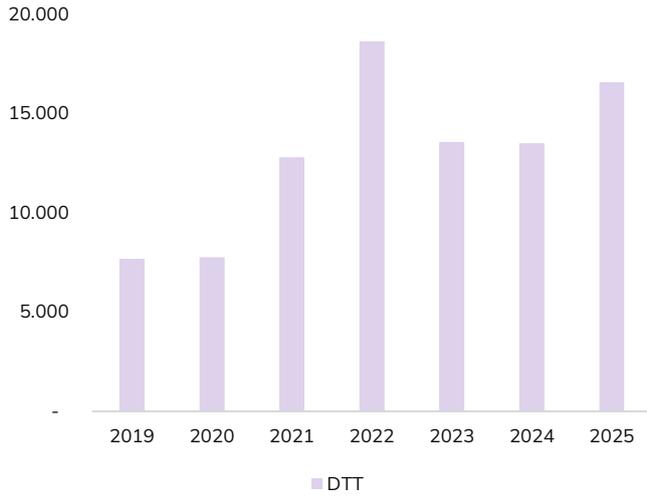
- iii) Chính sách hoàn thuế VAT được áp dụng từ tháng 7/2025 làm giá vốn hàng bán giảm xuống svck.
- iv) Giá khí đầu vào giảm theo giá dầu FO.
- ✓ Chi phí bán hàng & QLDN tăng lên 1.929 tỷ đồng (+25,3 svck) do các chi phí quảng cáo, chi phí vận chuyển, chi phí nhân viên bán hàng, chi phí nhân viên quản lý... Trong đó, chi phí nhân viên quản lý tăng mạnh lên 303 tỷ đồng (+44,9% svck). Đáng chú ý, khoản chi phí dự phòng phải trả cho PVN liên quan nghĩa vụ bảo lãnh cho CTCP Hóa dầu và Xơ sợi Đình Vũ (VNPOLY). Đây là khoản cam kết bảo lãnh của PVN cho các khoản vay đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Xơ sợi Polyester Đình Vũ của VNPOLY - công ty liên kết của DPM. Số dư gốc vay của VNPOLY được bảo lãnh bởi PVN là 221,3 triệu USD. Số tiền DPM sẽ thanh toán cho PVN theo trách nhiệm bảo lãnh được xác định bằng 25,99% (tương đương 57,5 triệu USD). Trong năm 2024, PVN đã ban hành công văn thông báo tổng nghĩa vụ bảo lãnh của DPM là 25,3 triệu USD (tương đương 645 tỷ đồng) cho 20 kỳ đến ngày 21/9/2028. Năm 2024, DPM đã trích lập dự phòng phải trả PVN liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh là 158,5 tỷ đồng & năm 2025 là 138,3 tỷ đồng. Như vậy, DPM đã thực hiện được 46% nghĩa vụ và số tiền còn lại sẽ được trích lập trong 10-12 kỳ tiếp theo, chúng tôi ước tính chi phí trích lập dự phòng nghĩa vụ bảo lãnh này trong thời gian tới sẽ dao động 29-35 tỷ đồng/quý. Đây là mức không gây áp lực đáng kể lên KQKD cũng như dòng tiền của DPM thời gian tới.
- ✓ Doanh thu tài chính tăng lên 487 tỷ đồng (+31,9% svck), chủ yếu nhờ lãi tiền gửi tăng mạnh svck. Trong khi đó, chi phí tài chính tăng lên 164 tỷ đồng (+152,9% svck), chủ yếu do lãi tiền vay tăng +197% svck lên 142 tỷ đồng khi DPM tăng mạnh nợ vay ngắn hạn trong kỳ. Ngoài ra, lãi hoạt động khác tăng mạnh lên 18 tỷ đồng (+305% svck).
- ✓ **Kết quả, LNST cổ đông Công ty mẹ năm 2025 của DPM đạt 1.074 tỷ đồng (+99,7% svck), hoàn thành 134,6% kế hoạch doanh thu & 342,4% kế hoạch LNST năm 2025.**

#### KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025 & NĂM 2025

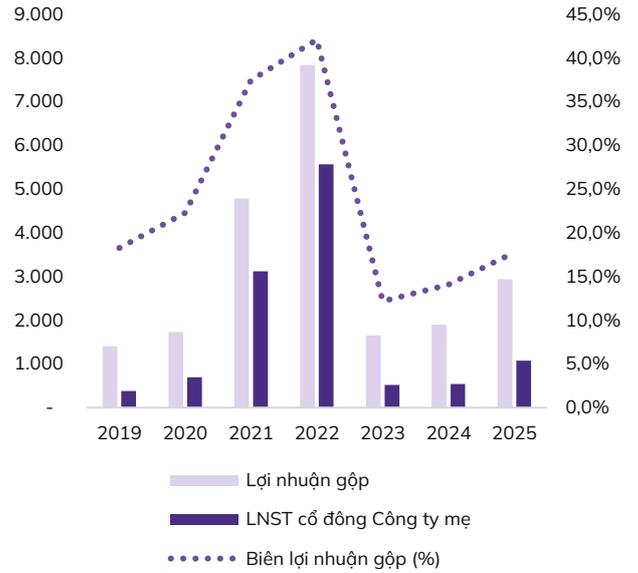
Chỉ tiêu	4Q24	4Q25	%YoY	2024	2025	%YoY
Doanh thu thuần	3.164	3.414	7,9%	13.496	16.564	22,7%
Lợi nhuận gộp	393	668	70,1%	1.898	2.939	54,8%
<i>Biên LN gộp</i>	12,4%	19,6%		14,1%	17,7%	
Chi phí BH & QLDN	(499)	(623)	25,0%	(1.540)	(1.929)	25,3%
<i>Tỷ lệ Chi phí BH &amp; QLDN/DTT</i>	15,8%	18,3%		11,4%	11,6%	
Doanh thu tài chính	130	240	84,8%	369	487	31,9%
Chi phí tài chính	(31)	(52)	69,1%	(65)	(164)	152,9%
<i>Chi phí lãi vay</i>	(26)	(49)	93,7%	(48)	(142)	196,9%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(5)	234	N/A	665	1.335	100,8%
Lợi nhuận trước thuế	(4)	245	N/A	669	1.353	102,2%
<b>LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số</b>	<b>(20)</b>	<b>230</b>	<b>N/A</b>	<b>538</b>	<b>1.074</b>	<b>99,7%</b>
<i>Biên LN ròng</i>	-0,6%	6,7%		4,0%	6,5%	

Nguồn: FiinPro, ABS Research

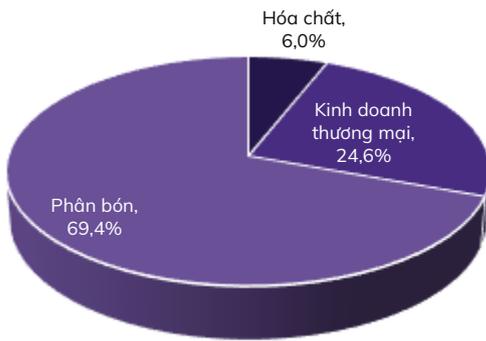
Quy mô DTT của DPM 2019-2025 (tỷ đồng)



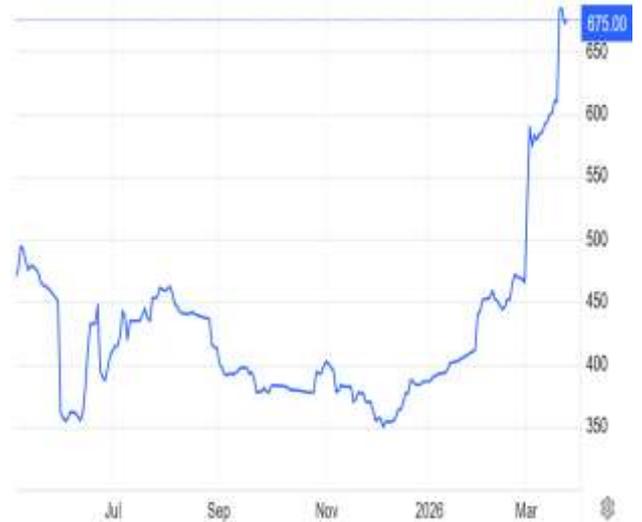
Quy mô lợi nhuận của DPM (tỷ đồng)



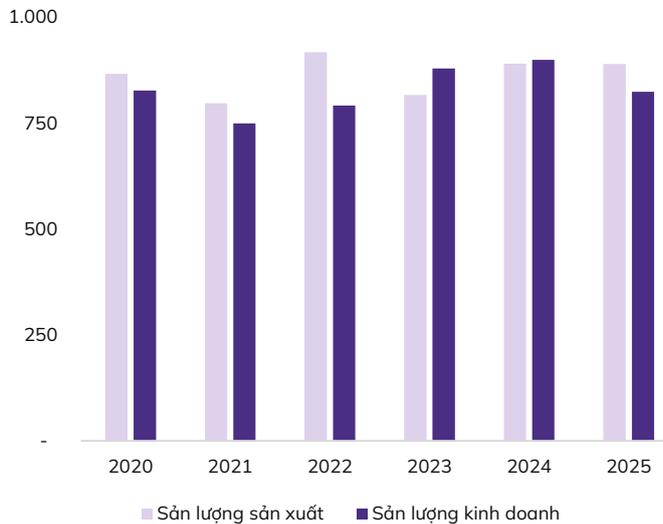
Cơ cấu Doanh thu 2025 của DPM (%)



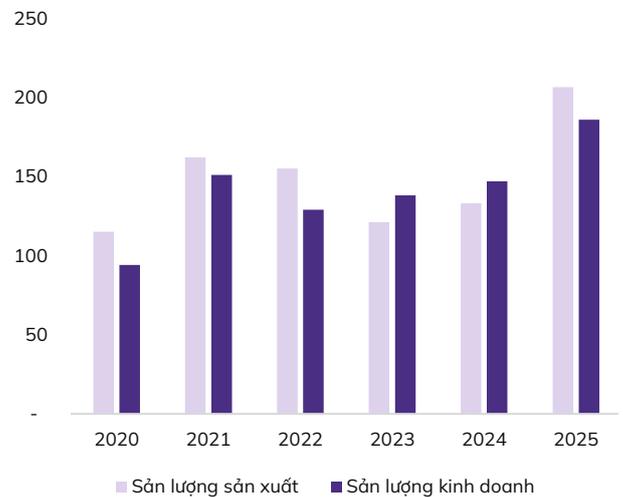
Diễn biến giá Ure thế giới (USD/tấn)



Sản lượng sản xuất và tiêu thụ phân Ure (nghìn tấn)



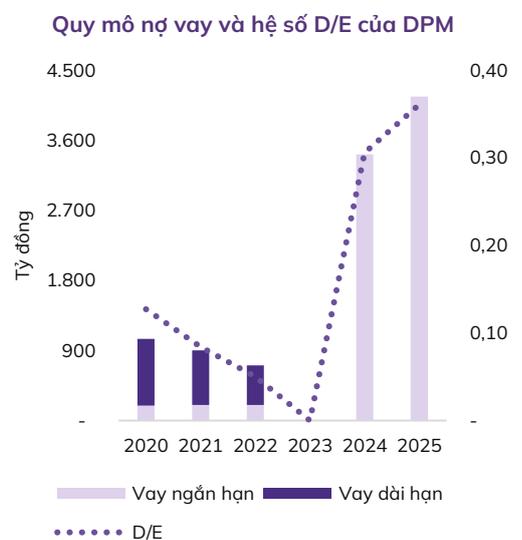
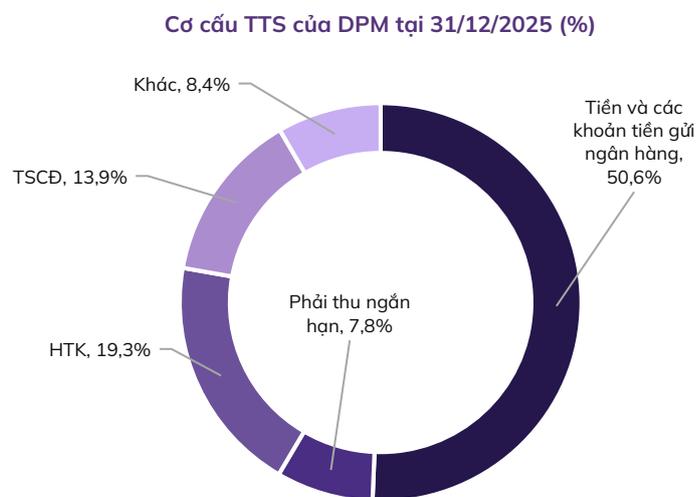
Sản lượng sản xuất và tiêu thụ phân NPK (nghìn tấn)



Nguồn: DPM, FiinPro, tradingeconomics, ABS Research

- **Tình hình tài chính lành mạnh:**

- ✓ **Lượng tiền dồi dào.** Tại 31/12/2025, DPM có 9.003 tỷ đồng tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng, dù giảm -14,0% svck do tăng mua hàng tồn kho và phải thu, nhưng vẫn chiếm 50,6% cơ cấu TTS. Lượng tiền dồi dào giúp DPM có thể chủ động trong các hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty có lịch sử chi trả cổ tức tiền mặt khá đều & cao, trong đó năm 2021 tỷ lệ chi trả cổ tức của DPM là 50%, năm 2022 là 70%, năm 2023 là 20%, năm 2024 là 15%. Năm 2025, tỷ lệ chi trả cổ tức tiền mặt dự kiến giảm xuống 12%, do trong năm 2025, công ty đã chia thưởng cổ phiếu tỷ lệ lớn 73,75%.
- ✓ **Các khoản phải thu ngắn hạn tăng mạnh.** Tại 31/12/2025, các khoản phải thu ngắn hạn có giá trị 1.390 tỷ đồng (+112,7% so với thời điểm cuối năm 2024), chiếm 7,8% cơ cấu TTS, trích lập dự phòng 521,9 tỷ đồng (chủ yếu liên quan công ty VNPOLY).
- ✓ **Tăng cường tích lũy hàng tồn kho, đón đầu đà tăng giá sản phẩm.** Trước viễn cảnh căng thẳng địa chính trị leo thang, DPM chủ động tích trữ hàng tồn kho để gia tăng cơ hội hưởng lợi từ đà tăng giá các sản phẩm phân bón. Cuối 2025, hàng tồn kho ghi nhận 3.434 tỷ đồng (+98,4% so với thời điểm cuối năm 2024), trong đó nguyên vật liệu gấp đôi từ 450 tỷ đồng lên 863 tỷ đồng (+91,8%), thành phẩm tăng từ 942 tỷ lên 1.373 tỷ đồng (+45,8%) và hàng hóa nhảy vọt từ 176 tỷ đồng lên 1.043 tỷ đồng (+492,6%). Việc tăng mạnh hàng tồn kho sẽ tạo ra lợi thế đáng kể trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị ở Trung Đông trong Q1/2026 đã ảnh hưởng tới nguồn cung và giá cả sản phẩm khí và phân bón toàn cầu.
- ✓ **Đòn bẩy tài chính thấp mặc dù nợ vay tăng mạnh trong kỳ.** Trong kỳ, nợ vay của DPM đã tăng mạnh lên 4.164 tỷ đồng (+21,7% so với thời điểm cuối năm 2024), toàn bộ là nợ vay ngắn hạn, để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động. Mặc dù nợ vay tăng mạnh nhưng đòn bẩy tài chính vẫn khá thấp, hệ số D/E chỉ ở mức 0,36 lần. Nhìn chung, từ năm 2020 tới nay, hệ số D/E không vượt qua 0,4 lần, thậm chí năm 2023 công ty còn không có nợ vay.



Nguồn: FiinPro, ABS Research

- **Triển vọng - Chúng tôi đánh giá triển vọng của DPM thời gian tới tiếp tục khả quan dựa trên các yếu tố sau:**

- ✓ **Triển vọng ngành phân bón năm 2026 mang tính trung tính** với xu hướng tích cực trong ngắn hạn nhờ giá phân bón neo cao do yếu tố địa chính trị, tuy nhiên dư địa tăng dài hạn bị hạn chế bởi nguồn cung cải thiện và nhu cầu phục hồi ở mức vừa phải. Đối với thị trường Việt Nam, nhu cầu phân bón vẫn được hỗ trợ nhờ giá nông sản duy trì ở mức tốt, tạo động lực để nông dân đầu tư trở lại cho sản xuất. Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, tốc độ tăng trưởng của ngành phân bón Việt Nam giai đoạn 2025-2033 tăng trưởng ước đạt 5%/năm. Trong khi đó, trên thị trường quốc tế, xuất khẩu phân bón Việt Nam có thể tiếp tục gia tăng trong 2-3 tháng tới khi các nguồn cung ure toàn cầu bị gián đoạn bởi xung đột tại khu vực Trung Đông.

- ✓ **Hưởng lợi từ lượng hàng tồn kho lớn đã tích trữ trước đó trong bối cảnh chiến sự Trung Đông làm gián đoạn nguồn cung.** Kết thúc năm 2025, DPM có lượng hàng tồn kho cao, trị giá 3.434 tỷ đồng. Điều này tạo lợi thế cạnh tranh đáng kể cho DPM trong ngắn hạn do DPM có năng lực đáp ứng đủ nhu cầu thị trường trong nước cũng như xuất khẩu. Bên cạnh đó, DPM đã tiến hành đợt bảo dưỡng vào cuối năm 2025 đến đầu năm 2026, giúp khôi phục và cải thiện sản lượng cho năm 2026.
- ✓ **Biên lợi nhuận dự báo cải thiện trong Q1-Q2/2026 do giá phân ure tăng cao.** Do những bất ổn địa chính trị tại Trung Đông, giá phân ure đã tăng mạnh +46% trong vòng 1 tháng qua, cao hơn đáng kể so với giá vốn đầu vào ở thời điểm cuối năm 2025. Giá phân bón thế giới dự báo tiếp tục duy trì xu hướng tăng trong ngắn hạn do nguồn cung bị gián đoạn, trùng hợp với thời điểm nhu cầu trong nước tăng khi bước vào vụ Xuân – Hè trong tháng 4 - tháng 5/2026. Trong khi đó nguồn khí đầu vào vẫn được đảm bảo ổn định khi DPM và PV GAS vừa ký kết HĐ mua bán khí cho năm 2026.
- ✓ **Động lực tăng trưởng từ sản phẩm mới.** Việc đẩy mạnh phát triển các dòng sản phẩm mới, đặc biệt là DAP Phú Mỹ và phân bón phức hợp, được kỳ vọng sẽ trở thành động lực tăng trưởng trung hạn của DPM trong bối cảnh mảng ure dần bước vào giai đoạn ổn định. DPM vừa chính thức đưa ra thị trường sản phẩm DAP Phú Mỹ vào tháng 12/2025, đánh dấu việc DPM tham gia thị trường DAP – phân khúc lâu nay phụ thuộc lớn vào nguồn nhập khẩu. Đây là bước đi quan trọng trong chiến lược phát triển dài hạn của DPM, kỳ vọng giúp doanh nghiệp hoàn thiện danh mục sản phẩm phân bón trung – cao cấp, đồng thời nâng cao mức độ chủ động nguồn cung cho thị trường trong nước.
- ✓ **Hưởng lợi từ Luật VAT sửa đổi.** Việc đưa phân bón từ diện không chịu thuế VAT sang diện chịu thuế VAT 5% giúp DPM được hoàn thuế VAT đầu vào trong cả năm 2026, so với năm 2025 chỉ được hoàn thuế trong nửa cuối năm. Chúng tôi ước tính việc khấu trừ thuế VAT này có thể giúp DPM tiết kiệm 320 tỷ đồng trong năm 2026.
- **Dự phóng & định giá:**
  - ✓ Trên cơ sở tình hình thực tế khi giá phân bón tăng cao do chiến sự Trung Đông gây ra trong khi DPM lại có lượng hàng tồn kho lớn & nguồn khí đầu vào ổn định, ABS Research dự phóng DTT 2026F & LNST cổ đông Công ty mẹ 2026F của DPM dự kiến đạt 17.744 tỷ đồng (+7,1% svck) & 1.368 tỷ đồng (+27,4% svck). EPS & BVPS 2026F dự kiến đạt 2.012 đ/cp & 17.672 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 15,5 và 1,76 lần tại mức giá hiện tại. ROE 2026F đạt 11,7%.
  - ✓ Chúng tôi xác định giá mục tiêu của DPM là 30.700 đ/cp theo phương pháp định giá so sánh P/E & P/B (-1,3% so với giá hiện tại). Chúng tôi khuyến nghị **TRUNG LẬP** đối với cổ phiếu DPM.

## PHỤ LỤC: MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA DPM

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F
<b>Doanh thu thuần</b>	13.569	13.496	16.564	17.744
Giá vốn hàng bán	-11.917	-11.598	-13.626	-14.550
<b>Lợi nhuận gộp</b>	1.652	1.898	2.939	3.194
Doanh thu tài chính	458	369	487	543
Chi phí tài chính	-71	-65	-164	-158
Chi phí bán hàng	-848	-837	-1.017	-1.035
Chi phí QLDN	-502	-703	-912	-831
<b>Lợi nhuận từ HĐKD</b>	690	665	1.335	1.717
Lãi/Lỗ khác	1	4	18	0
Lợi nhuận trước thuế	691	669	1.353	1.717
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	530	554	1.096	1.390
<b>LNST cổ đông Công ty mẹ</b>	<b>519</b>	<b>538</b>	<b>1.074</b>	<b>1.368</b>

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F
LCT thuần từ HĐKD	945	948	-2.072	1.727
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	1.676	-3.808	2.081	-500
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	-3.463	2.621	155	-780
<b>LCT thuần trong kỳ</b>	<b>-842</b>	<b>-240</b>	<b>164</b>	<b>447</b>
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	2.084	1.242	1.005	1.168
<b>Tiền &amp; tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>1.242</b>	<b>1.005</b>	<b>1.168</b>	<b>1.615</b>

Chỉ số tài chính	2023	2024	2025	2026F
<b>Khả năng thanh toán</b>				
Khả năng thanh toán hiện hành	6,44	2,54	2,41	2,50
Khả năng thanh toán nhanh	4,90	2,14	1,72	1,84
Khả năng thanh toán tiền mặt	4,46	2,01	1,49	1,56
Khả năng thanh toán lãi vay	14,65	14,99	10,53	13,39

Cơ cấu vốn	2023	2024	2025	2026F
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,87	0,68	0,65	0,66
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,13	0,32	0,35	0,34
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,00	0,31	0,36	0,33

Chỉ số hiệu suất hoạt động	2023	2024	2025	2026F
Số ngày phải thu	9,0	9,6	14,7	23,6
Số ngày phải trả	25,1	23,0	18,2	15,6
Số ngày tồn kho	88,5	57,3	69,2	82,2

Khả năng sinh lời	2023	2024	2025	2026F
Tỷ suất lợi nhuận gộp	12,2%	14,1%	17,7%	18,0%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	2,2%	2,8%	6,1%	7,7%
Tỷ suất LNST	3,9%	4,1%	6,6%	7,8%
ROE	4,1%	4,9%	9,6%	11,7%
ROA	3,4%	3,7%	6,4%	7,7%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	1.242	1.005	1.168	1.615
+ Đầu tư ngắn hạn	5.385	9.464	7.835	7.835
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	642	653	1.390	1.657
+ Hàng tồn kho	1.911	1.731	3.434	3.117
+ Tài sản ngắn hạn khác	385	367	683	853
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>9.565</b>	<b>13.220</b>	<b>14.510</b>	<b>15.078</b>
+ Các khoản phải thu dài hạn	1	1	2	2
+ Tài sản cố định	2.988	2.711	2.463	2.612
+ Bất động sản đầu tư	190	181	171	161
+ Tài sản dở dang dài hạn	261	89	249	249
+ Đầu tư dài hạn	33	34	35	35
+ Tài sản dài hạn khác	270	316	347	323
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>3.744</b>	<b>3.333</b>	<b>3.267</b>	<b>3.383</b>
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>13.309</b>	<b>16.552</b>	<b>17.777</b>	<b>18.461</b>
+ Vay ngắn hạn	0	3.422	4.164	4.064
+ Nợ ngắn hạn khác	1.484	1.777	1.864	1.978
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>1.484</b>	<b>5.199</b>	<b>6.028</b>	<b>6.042</b>
+ Vay dài hạn	0	0	0	0
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	280	174	215	200
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>280</b>	<b>174</b>	<b>215</b>	<b>200</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.764</b>	<b>5.372</b>	<b>6.244</b>	<b>6.242</b>
+ Vốn cổ phần	3.914	3.914	6.800	6.800
+ Thặng dư vốn cổ phần	21	21	21	21
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.838	2.470	2.813	3.446
+ Quỹ khác	4.772	4.774	1.898	1.952
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>11.545</b>	<b>11.180</b>	<b>11.533</b>	<b>12.219</b>
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>13.309</b>	<b>16.552</b>	<b>17.777</b>	<b>18.461</b>

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2023	2024	2025	2026F
Tăng trưởng doanh thu	-27,2%	-0,5%	22,7%	7,1%
Tăng trưởng LNNT	-88,9%	-3,3%	108,5%	24,1%
Tăng trưởng LNST	-90,5%	4,6%	97,7%	26,9%
Tăng trưởng VCSH	-17,6%	-3,2%	3,2%	5,9%
Tăng trưởng Tổng tài sản	-24,8%	24,4%	7,4%	3,8%

Định giá (lần)	2023	2024	2025	2026F
P/E	17,8	20,6	24,1	15,5
P/B	0,6	0,8	2,05	1,76
EPS	1.029	1.078	1.419	2.012
BVPS	29.051	28.110	16.695	17.672

Nguồn: FiinPro, ABS Research

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

## Khuyến nghị cổ phiếu

<b>MUA</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
<b>KHẢ QUAN</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
<b>TRUNG LẬP</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
<b>KÉM KHẢ QUAN</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
<b>BÁN</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng

# Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: [www.abs.vn](http://www.abs.vn)

## Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: [abs-research@abs.vn](mailto:abs-research@abs.vn)

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: [linh.ngthithuy@abs.vn](mailto:linh.ngthithuy@abs.vn)

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc TTPT

Email: [hue.lethikim@abs.vn](mailto:hue.lethikim@abs.vn)

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: [luu.dangxuan@abs.vn](mailto:luu.dangxuan@abs.vn)

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: [hai.nguyenxuan@abs.vn](mailto:hai.nguyenxuan@abs.vn)

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: [truong.phamhong@abs.vn](mailto:truong.phamhong@abs.vn)

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: [duyen.nguyenthiky@abs.vn](mailto:duyen.nguyenthiky@abs.vn)

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: [anh.buiminh@abs.vn](mailto:anh.buiminh@abs.vn)

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: [thu.kieuthithanh@abs.vn](mailto:thu.kieuthithanh@abs.vn)



*Tu hào*  
**NHẬN CÚ ĐÚP  
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP  
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỖI  
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH  
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT  
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay  
ABS Invest tại đây